

Tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập: một số gợi ý chính sách đối với tỉnh Phú Yên

Võ Xuân Hội

NCS, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập là chủ đề được nhiều học giả, nhiều nhà kinh tế trong và ngoài nước đặc biệt quan tâm nghiên cứu dưới nhiều phương diện, khía cạnh khác nhau. Tăng trưởng kinh tế là cơ sở, tiền đề vật chất quan trọng để thực hiện tốt các chính sách xã hội, trong đó có chính sách tái phân phối thu nhập. Ngược lại, phân phối thu nhập một cách công bằng, hợp lý, hài hoà các nhóm lợi ích sẽ là động lực mạnh mẽ, tạo nên sự đồng thuận xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Vấn đề đặt ra là, trong mối quan hệ này luôn tồn tại một sự đánh đổi nhất định giữa tăng trưởng kinh tế và phân phối lại thu nhập, chính sách để giải quyết hợp lý vấn đề này sẽ như thế nào đối với quốc gia và từng địa phương.

1. Các lý thuyết về mối liên hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập

Mô hình tăng trưởng mới của Harry Toshima cho rằng, sự phát triển phải bắt đầu từ nông nghiệp, phải tạo ra việc làm cho người nông dân trong lúc nhàn rỗi bằng cách phát triển các ngành nghề khu vực kinh tế nông thôn, có như vậy sẽ tăng thu nhập của người nông dân và mở rộng thị trường trong nước cho các ngành sản xuất công nghiệp và dịch vụ phát triển. Nhờ vậy, lao động dư thừa khu vực nông nghiệp sẽ được sử dụng hết. Mô hình này gợi ý cho các nước nông nghiệp muốn thúc đẩy TTKT cần chú trọng phát triển khu vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn để tạo ra thị trường cho ngành công nghiệp, dịch vụ phát triển.

Lý thuyết phân phối thu nhập của Các Mác (1818-1883) được xây dựng trên cơ sở lý luận giá trị lao động. Lập luận của C.Mác khẳng định quan hệ sản xuất là tổng hòa quan hệ đan xen, thể hiện qua 3 mặt, gồm: quan hệ sở hữu, tổ chức - quản lý và phân phối. Phân phối là một trong 3 mặt của quan hệ sản xuất, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động lực thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển kinh tế.

Mô hình chữ U ngược của Kuznets (1955) xem xét mối quan hệ giữa BBĐ trong PPTN và TTKT. Theo Kuznets, BBĐ sẽ tăng cùng với TTKT trong giai đoạn đầu của sự phát triển, do một lượng di chuyển lớn của những người làm trong lĩnh vực nông nghiệp với thu nhập thấp sang lĩnh vực công nghiệp với thu nhập cao hơn, nhưng phân phối không công bằng. Tuy nhiên, trong giai đoạn sau của sự phát triển, khi một số lượng lớn dân số đã chuyển sang khu vực đô thị, sẽ có một sự gia tăng tiền lương tương đối của những người lao động nghèo ở cả thành thị và nông thôn.

Mô hình tăng trưởng trước, bình đẳng sau của A.Lewis (1979). Mô hình cũng nhất trí với Kuznets về sự BBĐ thu nhập sẽ tăng lên lúc đầu và sau đó giảm bớt khi đã đạt được tới mức độ phát triển nhất định. Hơn nữa, mô hình này đã giải thích sự BBĐ tăng lên ở giai đoạn đầu bởi vì cùng với việc mở rộng quy mô sản xuất công nghiệp, số lượng lao động được thu hút vào làm việc ở khu vực này ngày càng tăng nhưng tiền công của công nhân nói chung vẫn ở mức tối thiểu, khi mức tiền công của công nhân không thay đổi thì thu nhập của các nhà tư bản vừa tăng lên do quy mô mở rộng, vừa tăng lên do lao động của công nhân đưa lại. Ở giai đoạn sau, sự BBĐ giảm bớt do khi lao động dư thừa được thu hút hết vào khu vực thành thị (sản xuất công nghiệp và dịch vụ) thì lao động trở thành yếu tố khan hiếm trong sản xuất. Nhu cầu lao động ngày càng tăng lên đòi hỏi phải tăng tiền lương như vậy sẽ dẫn đến giảm bớt sự bất bình đẳng. Theo quan điểm của Lewis, BBĐ là điều kiện để người giàu tích lũy, tăng đầu tư, do đó sẽ thúc đẩy TTKT. Như vậy, rõ ràng là với các nước đang phát triển, trong trường hợp này việc giảm BBĐ sẽ thúc đẩy TTKT thông qua tiết kiệm và đầu tư. Hay nói cách khác, có thể kết hợp giữa công bằng với TTKT.

Lý thuyết kinh tế-chính trị được xây dựng bởi các nhà nghiên cứu Alesina và Rodrik (1994), Presson và Tabellini (1994) đã cố gắng xây dựng một cầu nối giữa lý thuyết tăng trưởng nội sinh và lý thuyết kinh tế chính trị nội sinh. Trong xã hội dân chủ, mức thuế được xác định bởi những người trung lưu. Thuế được giả định tỷ lệ thuận với thu nhập và chi tiêu công sẽ tăng vì doanh thu thuế được phân bổ tới tất cả mọi người. Tuy nhiên, lợi ích của người nghèo nhận được sẽ lớn hơn lợi ích của người giàu. Do vậy, người nghèo sẽ ưa thích một

mức cao của sự phân bố thuế. Nhưng trong xã hội BBĐ, thu nhập của người trung lưu là thấp hơn mức thu nhập trung bình, khi đó một lượng lớn người ưa thích mức phân bố lại thu nhập sẽ làm hạn chế đầu tư do lợi ích thu được thấp. Tác động tiêu cực của BBĐ sẽ được nhân lên nếu mức độ lệch của của cải không hướng về người nghèo. Hàm ý của lý thuyết này là một xã hội càng rời xa mẫu hình dân chủ thì càng có ít cơ hội để giảm mức độ BBĐ qua phân phối lại.

2. Tăng trưởng kinh tế, phân phối thu nhập tỉnh Phú Yên

PPTN trong quá trình TTKT là sự phân phối các kết quả đầu ra của quá trình TTKT, bao gồm PPTN lần đầu thông qua sự đóng góp, sự tham gia của các yếu tố nguồn lực đầu vào cho quá trình TTKT như yếu tố vốn, yếu tố lao động, yếu tố tài nguyên thiên nhiên, yếu tố năng suất tổng hợp,... và phân phối lại thu nhập: thông qua các chính sách của chính quyền trung ương và địa phương như chính sách về thuế (thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, ...), phí, lệ phí, thông qua trợ cấp hỗ trợ việc làm và giảm nghèo, trợ cấp xã hội, hỗ trợ người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, chi hỗ trợ thực hiện chính sách xã hội,...

Trong giai đoạn 2004-2018, tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên đạt 9.72%, tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người/tháng đạt 35.71%, cao hơn mức tăng thu nhập bình quân của nhóm 20% dân số nghèo nhất và nhóm 20% dân số giàu nhất lần lượt là 31.17% (thấp hơn 4.54%) và 30.29% (thấp hơn 5.42%). Rõ ràng, trong giai đoạn này, mức tăng thu nhập nhóm của nhóm giàu nhất và nghèo nhất thấp hơn mức tăng thu nhập bình quân chung đầu người/tháng, mức tăng thu nhập của nhóm giàu nhất chậm hơn mức tăng thu nhập của nhóm nghèo nhất. Điều này chứng tỏ, khoảng cách chênh lệch giàu nghèo của nhóm 20% dân số giàu nhất và nhóm 20% dân số nghèo nhất có xu hướng thu hẹp lại, thu nhập của các nhóm dân cư khác (nhóm 20% cận nghèo, nhóm 20% thu nhập trung bình, nhóm 20% thu nhập khá) tăng nhanh hơn. Trong giai đoạn 2004-2010 và giai đoạn 2012-2018, có mối tương quan thuận chiều giữa hệ số bất bình đẳng thu nhập GINI, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn ở tỉnh, tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người/tháng ở tỉnh, tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người/tháng của nhóm 20% dân số nghèo nhất và nhóm 20% dân số giàu nhất ở tỉnh Phú Yên. Giai đoạn 2004-2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân là 12.12%, giảm xuống còn 7.31% giai đoạn 2012-2018, giai đoạn 2004-2018 là 9.72%, thì chỉ số tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người/tháng tỉnh Phú Yên từ 36.67% giai đoạn 2004-2010, có sự tăng giảm lần lượt là 34.76% giai đoạn 2012-2018 và 35.71% giai đoạn 2004-2018. Tương

tự, chỉ số tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người/tháng của nhóm 20% dân số nghèo nhất và nhóm 20% dân số giàu nhất lần lượt giảm từ 34.34% và 36.43% giai đoạn 2004-2012, giảm xuống còn 28.01% và 24.15% giai đoạn 2012-2018, và 31.17% và 30.29% giai đoạn 2004-2018.

Trong giai đoạn 2002-2018, thu nhập bình quân đầu người/tháng ở tỉnh Phú Yên không ngừng được tăng lên, so với năm 2002, thu nhập bình quân đầu người/tháng năm 2018 tăng gấp 11.34 lần, đời sống nhân dân đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, so với mức thu nhập trung bình chung của cả nước thì thu nhập bình quân đầu người ở tỉnh Phú Yên vẫn còn thấp. Do vậy, chênh lệch trong phân phối thu nhập giữa Phú Yên so với cả nước tăng lên. Khoảng cách chênh lệch này có xu hướng giảm dần giai đoạn 2012-2016, từ mức chỉ bằng 57% thu nhập trung bình chung cả nước năm 2012, đã tăng lên 76.11% năm 2016, và năm 2018 con số này giảm xuống và chỉ bằng 67.86%.

Nguyên nhân cơ bản của những hạn chế trên là do: Một là, Phú Yên là tỉnh có xuất phát điểm phát triển kinh tế thấp, quy mô nền kinh tế tỉnh nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp, chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa cao và tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng là chủ yếu; Hai là, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, mức độ hội nhập kinh tế quốc tế còn chậm, môi trường đầu tư-kinh doanh chưa thật sự thông thoáng, hấp dẫn và thuận lợi; công tác đền bù, giải phóng mặt bằng phục vụ các công trình, dự án gặp nhiều khó khăn, tiến độ giải ngân các dự án còn chậm trễ, kéo dài; Ba là, nguồn thu hàng năm của tỉnh không đủ chi thường xuyên, thiếu tính ổn định và cần sự bao cấp từ ngân sách trung ương. Theo số liệu Tổng cục thống kê Việt Nam, nguồn thu bổ sung từ ngân sách trung ương của Phú Yên năm 2014 là 67.63%, năm 2016 là 58.3% và năm 2018 là 54.8% tổng nguồn thu; thu nội địa trên địa bàn tỉnh chiếm 26.91% giai đoạn năm 2016-2018 và tỷ lệ thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh bình quân chỉ đạt 4.4%/năm; Bốn là, còn khoảng cách lớn về sự phát triển giữa khu vực thành thị, nông thôn và miền núi.

3. Một số gợi ý chính sách

Một là, tính tất yếu khách quan tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình doanh nghiệp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Kinh tế thị trường luôn hướng các chủ thể hành vi kinh tế tới mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận, do vậy, cần có sự tác động, can thiệp, điều tiết của nhà nước thông qua các chính sách kinh tế, xã hội, chính sách thuế,... nhằm tái phân phối thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội, giảm dần khoảng cách chênh lệch thu nhập, đồng thời vẫn tạo động lực mạnh mẽ để khuyến khích mọi người làm

giàu chính đáng và giúp đỡ người khác thoát nghèo. Tuy nhiên, để tăng mức phân phối thu nhập, trước hết nền kinh tế tinh cần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, làm cho cái bánh kinh tế ấy không ngừng lớn lên, từ đó mới có cái để phân phối.

Hai là, sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương, giữa khu vực thành thị với khu vực nông thôn, giữa đồng bằng và ba huyện miền núi ở Phú Yên do khác nhau về vị trí địa lý, các đô thị ven biển thường có điều kiện thuận lợi hơn về cơ sở hạ tầng, gần hệ thống giao thông, sân bay Tuy Hoà, cảng biển Vũng Rô,... nên các hoạt động sản xuất ở khu vực này sẽ được thuận lợi hơn các nơi khác, có chi sản xuất rẻ hơn, lợi nhuận cao hơn, từ đó dẫn đến sự chênh lệch thu nhập ở những vùng này. Vì vậy, tỉnh Phú Yên cần có các chính sách ưu tiên đầu tư phát triển đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hơn.

Ba là, cơ chế phân bổ nguồn lực như vốn, lao động, khoa học công nghệ, tài nguyên thiên nhiên, đất đai, khoáng sản,... thông thường trong giai đoạn đầu các doanh nghiệp lớn, có năng lực, có tiềm năng phát triển và được ưu tiên tiếp cận các nguồn lực này trước tiên, và họ sẽ có cơ hội phát triển, giàu lên nhanh chóng, thu nhập tăng lên. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ sẽ không có nhiều cơ hội tiếp cận các nguồn lực sản xuất, đã làm gia tăng mức chênh lệch thu nhập giữa các doanh nghiệp, giữa người lao động tại các khu vực này. Vấn đề này, tỉnh Phú Yên cần thực hiện tốt hơn nữa công tác công khai, minh bạch thông tin, các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật.

Bốn là, thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp về hỗ trợ hộ nghèo phát triển sản xuất, cải thiện thu nhập, xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu cho 06 xã nghèo đặc biệt khó khăn và cho 02 huyện nghèo miền núi của tỉnh là huyện Sông Hinh và huyện Đồng Xuân, thực hiện tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh, duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng cơ sở các huyện nghèo; Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và nâng cao năng lực các xã đặc biệt khó khăn, ... Đồng thời, tỉnh cần tạo điều kiện hơn nữa để người nghèo và các đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như: y tế, giáo dục, hỗ trợ nhà ở, chính sách tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề,... Bên cạnh đó, tỉnh Phú Yên cần quản lý tốt các hoạt động về thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, đề xuất và hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với tài sản, tài sản chuyển nhượng,...

4. Kết luận

Tăng trưởng kinh tế và phân phối, phân phối lại thu nhập có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mọi quốc gia, mọi địa phương. Vấn đề này trong những năm qua luôn được tỉnh Phú Yên quan tâm chỉ đạo thực hiện.

Một mặt, vừa chú trọng đến các giải pháp thúc đẩy nhanh quá trình tăng trưởng kinh tế bao trùm, bền vững, đưa địa phương thoát khỏi tình nghèo, mà trước tiên là cần tập trung vào các nhóm giải pháp mang tính chất đột phá như đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, phù hợp, đồng bộ; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Mặt khác, giữa tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập luôn tồn tại một quan hệ đánh đổi nhất định, do vậy, cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp về cơ chế chính sách nhằm tạo điều kiện để mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản nhất như chính sách về y tế, giáo dục, nhà ở, tín dụng ưu đãi, việc làm,... từng bước cải thiện mức sống, nâng cao thu nhập của người dân. Phát huy những mặt tích cực của quá trình tăng trưởng và hạn chế những mặt tiêu cực do cơ chế thị trường đem lại, phấn đấu vì mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh./.

Tài liệu tham khảo

Cục Thống kê Phú Yên, Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên các năm 2004, 2005, 2010, 2015, 2016, 2018. Nxb thống kê.

Lê Quốc Hội (2009), Tác động của tăng trưởng và bất bình đẳng thu nhập đến xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 146, tháng 8.

Trần Thế Lâm (2010), Lý thuyết về phân phối thu nhập và một số gợi ý cho Việt Nam. Hội thảo lý luận trung ương “Các lý thuyết kinh tế chính trong bối cảnh phát triển mới của thế giới và những vấn đề rút ra cho Việt Nam”, tháng 1/2010.

Thủ tướng Chính phủ (2018), Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Quyết định số 665/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoàng Thuý Yến (2015), Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (2014), Chương trình hành động số 04/CTr-UBND ngày 01/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về thực hiện chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.